

# TỔ CHỨC DẠY HỌC DỰA VÀO DỰ ÁN Ở TIỂU HỌC: CƠ HỘI PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

PHAN THANH HÀ

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
Email: hacunbin@gmail.com

**Tóm tắt:** *Vài năm gần đây, những vấn đề liên quan đến năng lực như chương trình, dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực đang được bàn luận sôi nổi ở nhiều diễn đàn giáo dục. Thông qua dạy học phát triển năng lực, học sinh được bộc lộ, được hành động, từ đó có cơ hội hình thành và phát triển các năng lực của cá nhân. Dạy học dựa vào dự án là một quá trình dạy học tích cực từ khâu thiết kế dự án đến thực hiện dự án và đánh giá dự án. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả bàn luận tới dạy học dựa vào dự án như một phương pháp dạy học và phân tích những cơ hội cần khai thác trong quá trình tổ chức dạy học dựa vào dự án để hướng tới sự phát triển năng lực người học, đặc biệt là năng lực giải quyết vấn đề.*

**Từ khóa:** *Dạy học dựa vào dự án; năng lực giải quyết vấn đề; tiểu học.*

*(Nhận bài ngày 15/10/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 18/11/2016; Duyệt đăng ngày 27/12/2016).*

## 1. Đặt vấn đề

Vài năm gần đây, những vấn đề liên quan đến năng lực (NL) như chương trình, dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển NL đang được bàn luận sôi nổi ở nhiều diễn đàn giáo dục. Trong thực tế, để bắt kịp với xu thế “NL”, một số địa phương, đặc biệt ở cấp Tiểu học, đã nhanh chóng triển khai những khóa tập huấn cho giáo viên (GV) về dạy học phát triển NL học sinh (HS). Tuy nhiên, trong thời gian hạn hẹp của các khóa tập huấn chưa thể giúp GV tường minh về các phương pháp cũng như các điểm cần lưu ý ở mỗi phương pháp dạy học (DH) để phát huy tối đa các cơ hội hình thành và phát triển NL cho HS. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi bàn luận tới DH dựa vào dự án (DHDA) như một phương pháp DH và phân tích những cơ hội cần khai thác trong quá trình tổ chức DHDA để hướng tới sự phát triển NL người học, đặc biệt là NL giải quyết vấn đề (GQVĐ).

## 2. Khái quát về dạy học dựa vào dự án và năng lực giải quyết vấn đề

### 2.1. Quan niệm dạy học dựa vào dự án

DHDA (Project - Based Learning) được nhiều tác giả nghiên cứu và có nhiều cách quan niệm khác nhau. Theo Xavier Roegiers, K.Frey (nhà nghiên cứu nổi tiếng về Học theo dự án của Cộng hòa Liên bang Đức), Nguyễn Văn Cường - Bernd Meier, Đặng Thành Hưng quan niệm DHDA là “một hình thức, một kiểu, hay chiến lược DH”. Trong đó, người học tiến hành học tập thông qua “dự án học tập”, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Quá trình thực hiện dự án, người học, với “tính tự lực” cao trong toàn bộ quá trình học tập, phát triển NL GQVĐ phức hợp. Làm việc nhóm là hình thức làm việc cơ bản của DHDA.

Dưới góc độ tổ chức dạy học ở tiểu học, DHDA được mô tả một cách đơn giản là quá trình tổ chức một chuỗi hoạt động học trong đó một nhóm học sinh (HS) cùng nhau tìm hiểu sâu một chủ đề cụ thể, với mục tiêu tạo cho HS cơ hội thực hiện nghiên cứu vấn đề thông qua

việc kết nối các thông tin, phối hợp nhiều kiến thức, kĩ năng, giá trị và thái độ nhằm xây dựng kiến thức và phát triển kĩ năng, thái độ học tập suốt đời. Các chủ đề thường liên quan đến việc học và gắn với đời sống hàng ngày của HS.

### 2.2. Năng lực giải quyết vấn đề

NL GQVĐ là một trong những NL then chốt được nhiều quốc gia đề cập trong chương trình giáo dục phổ thông. Tùy theo tính chất, ở một số quốc gia và tổ chức quốc tế, NL GQVĐ có một số cách gọi như: NL GQVĐ mang tính phân tích (Analytic Problem Solving), NL GQVĐ mang tính hợp tác (Collaborative Problem Solving). Ở nước ta, Nguyễn Thị Lan Phương và một số tác giả quan niệm NL GQVĐ là *khả năng cá nhân sử dụng hiệu quả các quá trình nhận thức, hành động và thái độ, động cơ, xúc cảm để giải quyết những tình huống vấn đề mà ở đó không có sẵn quy trình, thủ tục, giải pháp thông thường* [1]. Theo tác giả, NL GQVĐ gồm 4 thành tố là:

(1) Tìm hiểu vấn đề: Nhận biết tình huống có vấn đề; Xác định các giải pháp, giải thích các thông tin; Chia sẻ hiểu biết với người khác.

(2) Thiết lập không gian vấn đề: Thu thập, sắp xếp và đánh giá độ tin cậy của thông tin; Kết nối thông tin với kiến thức đã học được; Xác định cách thức, quy trình, chiến lược giải quyết; Thống nhất cách hành động.

(3) Lập kế hoạch và thực hiện giải pháp: Xây dựng tiến trình thực hiện cho các giải pháp đã lựa chọn (thu thập dữ liệu, thảo luận, xin ý kiến, giải quyết các mục tiêu, xem xét lại các giải pháp,...); Phân bổ và xác định cách sử dụng nguồn lực; Thực hiện và trình bày giải pháp cho vấn đề; Tổ chức và duy trì hoạt động nhóm.

(4) Đánh giá và phản ánh giải pháp: Đánh giá giải pháp đã thực hiện; phản ánh giá trị của các giải pháp; Xác định kiến thức và khái quát hóa cho vấn đề tương tự; Đánh giá vai trò của các nhân với hoạt động nhóm.

Như vậy, theo quan niệm và cấu trúc NL ở trên, có thể thấy, NL GQVĐ vừa mang tính phân tích vừa mang



những yêu cầu của hoạt động nhóm. Xem xét quá trình tổ chức DHDA ở tiểu học cho thấy về cơ bản đều tạo cơ hội để phát triển những thành tố của NL GQVĐ.

**3. Cơ hội phát triển năng lực giải quyết vấn đề thông qua tổ chức dạy học dựa vào dự án ở Tiểu học**

Quá trình tổ chức DHDA thường được mô tả theo một tiến trình thực hiện gồm các giai đoạn. Có nhiều cách phân chia các giai đoạn triển khai DHDA, mỗi cách phân chia đều nhấn mạnh vào một số hoạt động cốt lõi và có thể nói là phù hợp với đặc điểm HS ở từng lứa tuổi. Với HS tiểu học quá trình DHDA chia làm 3 giai đoạn chính và nhiều bước nhỏ một cách cụ thể, được cho là phù hợp với HS tiểu học như sau:

- *Giai đoạn 1: Lập kế hoạch dự án*

(1) Phát hiện chủ đề; (2) Lựa chọn tiểu chủ đề- xác định mục tiêu; (3) Xây dựng kế hoạch triển khai dự án.

- *Giai đoạn 2: Triển khai dự án*

(4) Thu thập và xử lý thông tin; (5) Thảo luận giữa các thành viên trong nhóm; (6) Xin ý kiến tư vấn.

- *Giai đoạn 3: Hoàn thành dự án*

(7) Xây dựng sản phẩm; (8) Trình bày sản phẩm; (9) Đánh giá học theo dự án và rút bài học kinh nghiệm.

Trong quá trình tổ chức DHDA, các bước có thể xen kẽ nhau và lặp lại tùy thuộc vào thực tế hoạt động của HS. Xem xét tiến trình DHDA có thể đưa ra nhận xét sơ bộ như sau:

Giai đoạn 1 của DHDA có nhiều cơ hội để phát triển những hành vi thuộc thành tố thứ (1), thứ (2) và 1 phần của thành tố thứ (3) của NL GQVĐ.

Giai đoạn 2 của DHDA có nhiều cơ hội để phát triển một số hành vi thuộc thành tố thứ (3) của NL GQVĐ.

Giai đoạn 3 của DHDA có nhiều cơ hội để phát triển một số hành vi thuộc thành tố thứ (4) của NL GQVĐ.

Để phân tích rõ các cơ hội hình thành, phát triển NL GQVĐ trong cách tổ chức DHDA, chúng tôi phân tích cụ thể các bước trong tiến trình DHDA của HS tiểu học và đưa ra những ví dụ minh họa cho một chủ đề dạy học môn Khoa học lớp 5:

**Chủ đề: Năng lượng chất đốt**

**I. Mục tiêu:**

*Học xong chủ đề HS:*

- Nêu được ví dụ về việc sử dụng năng lượng chất đốt trong đời sống và sản xuất.

- Nêu được một số biện pháp phòng chống cháy, bỏng, ô nhiễm khi sử dụng năng lượng chất đốt trong gia đình.

- Có ý thức thực hiện tiết kiệm năng lượng chất đốt.

*Hình thành và phát triển năng lực*

- GQVĐ: Xác định vấn đề nghiên cứu; Thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin và trả lời câu hỏi nghiên cứu liên quan đến các vấn đề việc sử dụng năng lượng chất đốt trong sinh hoạt và sản xuất; Đề xuất các biện pháp thực hiện tiết kiệm năng lượng phù hợp với gia đình.

**II. Nội dung chính của chủ đề**

- Trong tự nhiên chất đốt tồn tại ở 3 thể: Thể khí, thể lỏng, thể rắn.

- Chất đốt trong tự nhiên được khai thác từ than đá, dầu mỏ. Đó là các nhiên liệu đã hóa thạch, đây là nguồn năng lượng.

- Ngoài ra, người ta còn sử dụng các nguồn năng

lượng khác trong tự nhiên như: Năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng nước chảy,... đây là năng lượng thay thế được còn gọi là nguồn năng lượng xanh trong thiên nhiên. Để bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên chúng ta nên sử dụng các nguồn năng lượng xanh, hạn chế khai thác và sử dụng các nguyên liệu hóa thạch.

- Trong đời sống sử dụng năng lượng chất đốt phục vụ các nhu cầu thiết yếu của con người như: Nấu ăn, thắp sáng, sưởi ấm, làm lạnh, chạy máy phát điện,...; trong sản xuất như: Chế biến thực phẩm, chạy đầu máy, nhiên liệu cho các nhà máy,...

- Sử dụng năng lượng chất đốt không đúng cách có thể gây ra nguy hiểm cho người sử dụng như: Bỏng, gây cháy, nổ,...

- Nhu cầu sử dụng năng lượng chất đốt trong sinh hoạt và sản xuất ngày càng tăng nhưng nguồn nhiên liệu tự nhiên lại không thể thay thế được. Vì vậy, chúng ta luôn cần có ý thức tiết kiệm năng lượng khi sử dụng các thiết bị và các nhiên liệu.

**III. Phương pháp - kĩ thuật**

Phương pháp: Dạy học dựa vào dự án; Kĩ thuật: Động não, bản đồ tư duy, KWL,...

**IV. Phương tiện - đồ dùng**

- Các hình ảnh về thực tế các loại chất đốt ở thể lỏng (xăng, dầu), thể khí (khí gas, bioga,...), thể rắn (than đá, than tổ ong, củi, rơm, rạ,...).

- Phiếu học tập các loại.

- Phiếu đánh giá học theo dự án.

**V. Gợi ý một số hoạt động chính**

**Giai đoạn 1 - Lập kế hoạch**

**Bước 1- Phát hiện chủ đề:**

- GV khơi gợi ý tưởng mà HS quan tâm, khởi nguồn từ vấn đề trong thực tế. Gợi ý câu hỏi dẫn dắt vào chủ đề "Hàng ngày chúng ta thường sử dụng "cái gì" để làm nóng các vật, nấu ăn, chạy các loại động cơ ô tô, xe máy,...?"

- Ví dụ GV đưa ra câu hỏi động não: *Các em biết gì về "Chất đốt"?*

- HS nêu bất kì ý kiến nào liên quan đến chất đốt. Ví dụ: Dầu khí, xăng, dầu hỏa, củi, than đá, khí sinh học, bếp ga, sinh nhiệt, phát ra lửa, nóng, than tổ ong, độc hại, sinh ra khí CO2, nhiên liệu chạy máy,...

- GV có thể đặt ra một số câu hỏi để thu thập ý kiến hoặc làm rõ ý kiến của HS, có thể sử dụng sơ đồ tư duy cùng với hệ thống câu hỏi 5W1H (là các câu hỏi bắt đầu bằng: Ai? Tại sao? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Như thế nào?) để thu thập ý kiến, tìm hiểu kiến thức ban đầu của HS. Ví dụ: Bếp gas sử dụng loại nhiên liệu gì? (gas); khí sinh học còn có tên gọi là khí gì? (bi-ô-ga).

- GV phân loại các ý kiến của HS, nhóm ý kiến thành các nhóm vấn đề như: Các loại chất đốt trong tự nhiên; Sử dụng các loại chất đốt trong gia đình; Nguy hiểm từ chất đốt; Nguồn khai thác chất đốt; các vấn đề khác.

- Dẫn dắt kết nối vào chủ đề: Trong các vấn đề các em đã liệt kê ở trên, chúng ta có một nội dung gắn gũi, liên quan, thiết yếu phục vụ cho cuộc sống hàng ngày là *Năng lượng chất đốt*. Chúng ta cùng tìm hiểu chủ đề "**Năng lượng chất đốt**".

**Bước 2 : Xây dựng mạng chủ đề và các tiểu chủ đề của dự án, xác định mục tiêu**

- GV cùng HS xây dựng bản đồ tư duy để tìm hiểu về “Năng lượng chất đốt” trong gia đình. Mỗi nhóm HS trả lời câu hỏi: “Em muốn tìm hiểu gì về sử dụng năng lượng chất đốt trong gia đình?”.

- HS tổng hợp các ý kiến của nhóm, phát hiện ra các vấn đề muốn tìm hiểu, cần tìm hiểu.

- GV cùng HS nhóm các vấn đề liên quan, phát hiện vấn đề nghiên cứu và hình thành nên các tiểu chủ đề, vấn đề muốn tìm hiểu. Ví dụ một số nội dung phù hợp với chủ đề để hình thành nên các tiểu chủ đề:

+ Tìm hiểu về việc sử dụng các loại bếp, dụng cụ để đun nấu trong gia đình.

+ Tìm hiểu về việc tiết kiệm khi đun bếp ga ở gia đình.

+ Tìm hiểu về việc sử dụng bếp ga an toàn trong gia đình.

+ Tìm hiểu về các cách thực hiện tiết kiệm chất đốt.

+ Tìm hiểu về năng lượng sạch khí sinh học bi - o - ga.

- HS lựa chọn các tiểu chủ đề và hình thành các nhóm thực hiện dự án. HS có thể đặt tên chủ đề của nhóm bao hàm nội dung của tiểu chủ đề.

- HS trong nhóm thảo luận để xác định mục tiêu của các tiểu chủ đề.

Ở bước này, GV cần có sự giám sát để đảm bảo tính vừa sức, phù hợp của các vấn đề HS để xuất giải quyết.

**Bước 3: Lập kế hoạch triển khai**

- Tổ chức làm việc nhóm: Từ các mong muốn tìm hiểu của các thành viên, nhóm xác định các nội dung cụ thể cần nghiên cứu, đề xuất các câu hỏi cần trả lời cho mỗi tiểu chủ đề. (Sử dụng kĩ thuật KWL: *Điều đã biết - Điều muốn biết - Điều sẽ học được* để xác định nội dung tìm hiểu trước dự án, những bài học sẽ có được cuối dự án).

- GV cùng HS xây dựng kế hoạch bằng cách gợi ý để HS trả lời các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Bằng cách nào? Khi nào?... phù hợp với đối tượng, bối cảnh nghiên cứu của mỗi tiểu chủ đề.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể, phương tiện, địa điểm, dự trữ sản phẩm mong đợi,...

- Chia sẻ và thảo luận các kế hoạch đảm bảo tính khả thi, phù hợp, đạt mục tiêu.

Ở giai đoạn 1, GV cần sử dụng “câu hỏi mở” để thu thập nhiều ý kiến về chủ đề dự án. Câu hỏi sẽ giúp HS hình thành thành tố thứ (1) của NL QGVĐ, hình thành các hành vi xác định, giải thích các thông tin, chia sẻ hiểu biết của các em với các bạn. GV cũng cần giúp HS kết nối các thông tin đã biết và chưa biết của chủ đề, phát hiện ra vấn đề cần tìm hiểu của chủ đề dự án, tạo nên các tiểu chủ đề. Các tiểu chủ đề chính là các vấn đề các em chưa biết, muốn tìm hiểu sâu hơn - Từ đây tạo cơ hội để HS hình thành nên thành tố thứ (1) và thứ (2) của NL QGVĐ. Bước 3 của giai đoạn này giúp HS hình thành nên một phần của thành tố thứ (2) và thứ (3) của NL QGVĐ đó là HS hình thành các nhóm để xác định cách thức, quy trình QGVĐ của chính nhóm mình, thống nhất hành động và thiết lập không gian để QGVĐ; HS xác định nhiệm vụ cho

thành viên của nhóm, xác định nguồn lực, phương tiện cần có để đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ QGVĐ.

**Giai đoạn 2 -Triển khai dự án- Các nhóm thực hiện các nghiên cứu thuộc chủ đề**

**Bước 4 - Thu thập thông tin, xử lí thông tin, tư liệu**

- HS làm việc theo kế hoạch, sử dụng các công cụ để thực hiện nhiệm vụ được phân công: Thu thập, ghi chép, lưu giữ các thông tin, tư liệu từ nhiều nguồn (Qua SGK, báo chí, internet, thư viện...; Qua thực nghiệm, quan sát, điều tra, phỏng vấn,...).

- Xử lí các thông tin, tư liệu thu thập ban đầu, phân loại sơ bộ, đưa ra câu trả lời ban đầu theo các nhiệm vụ/ câu hỏi đã đề ra.

**Bước 5 - Thảo luận thường xuyên giữa các thành viên trong nhóm**

- Chia sẻ, giải thích thông tin: HS chia sẻ kết quả, thông tin thu được với HS trong nhóm về nội dung, nguồn gốc thông tin, câu trả lời ban đầu thu thập được.

- HS cùng thảo luận về mức độ đáp ứng của thông tin, tư liệu thu thập được với nhiệm vụ, câu hỏi đã đề ra.

- QGVĐ, kiểm tra tiến độ,... : Nhóm sẽ kiểm soát tiến độ thực hiện so với kế hoạch đề ra và đưa ra phương án QGVĐ phát sinh.

- Phát hiện, giải thích các phát hiện, đối chiếu với yêu cầu (câu hỏi), dự kiến ban đầu. Nhóm HS trao đổi để phát hiện những nhiệm vụ cần bổ sung, nhiệm vụ chưa phù hợp cần thay đổi so với dự kiến ban đầu.

**Bước 6 - Trao đổi và xin ý kiến tư vấn giáo viên hướng dẫn**

- Nhóm HS có sự trao đổi thường xuyên với GV (các bên liên quan) nhằm đảm bảo tiến độ, xác nhận thông tin, xin ý kiến các vấn đề phát sinh và điều chỉnh kế hoạch, hướng đi của tiểu chủ đề dự án (nếu cần thiết).

Ở giai đoạn triển khai dự án, các bước hoạt động được HS trong các nhóm chủ động thực hiện. Tùy theo kĩ năng bản thân mà các em làm việc cá nhân hoặc cùng bạn hoàn thành các nhiệm vụ đã được phân công. Các bước được thực hiện không theo một trình tự nhất định mà được tiến hành xen kẽ và thực hiện không chỉ một lượt tùy thuộc vào thực tế hoạt động của HS.

Giai đoạn 2 gồm các bước 4, 5, 6 sẽ giúp HS hình thành nên đa phần các hành vi của thành tố thứ (3) NL QGVĐ. Đó là việc HS hình thành các kĩ năng thu thập thông tin, dữ liệu, xem xét, đánh giá các giải pháp ban đầu và điều chỉnh đáp ứng mục tiêu đề ra, sử dụng và phân bổ nguồn nhân lực phù hợp, tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả.

**Giai đoạn 3 - Hoàn thành dự án**

**Bước 7: Xây dựng các báo cáo dự án**

- Các nhóm tổng hợp thông tin thu thập được và hình dung báo cáo ban đầu từ các số liệu. Chia sẻ với GV ý tưởng của báo cáo.

- Chia sẻ và thảo luận trong nhóm về cách trình bày báo cáo phù hợp; Có thể thảo luận với GV, để nghị hỗ trợ của gia đình, GV tin học về cách thức trình bày.

- Nhóm lựa chọn hình thức trình bày báo cáo phù hợp (có thể là: Thuyết trình P.P kèm hình ảnh, đóng tiểu phẩm, bảng thống kê số liệu các thiết bị, các hoạt động tiết kiệm điện,...).

**Bước 8: Báo cáo dự án và kết quả thu được**



- Các nhóm báo cáo những kết quả thu được của các tiểu chủ đề thuộc chủ đề **"Năng lượng chất đốt"**.

- HS các nhóm khác đặt câu hỏi, chia sẻ ý kiến, nhấn mạnh các vấn đề liên quan đến địa phương, hoạt động của cá nhân.

- GV cùng HS lập được danh mục một số việc làm cụ thể để tiết kiệm năng lượng chất đốt, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- HS xây dựng cam kết của bản thân thực hiện tiết kiệm năng lượng chất đốt, hạn chế ô nhiễm môi trường...

- HS xây dựng thông điệp khuyến khích, kêu gọi mọi người trong gia đình cùng thực hiện.

**Bước 9: Nhận xét, đánh giá, rút ra bài học qua thực hiện dự án**

- Cá nhân, nhóm, lớp thực hiện nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án (Sử dụng kết quả của kĩ thuật KWL khi bắt đầu xác định vấn đề nghiên cứu của các tiểu chủ đề).

- GV gợi ý, hướng dẫn cá nhân, nhóm rút ra bài học, chia sẻ cảm xúc có được qua quá trình tiến hành dự án.

- HS chia sẻ các cảm nhận của bản thân, các kiến thức và giá trị thu nhận được từ các hoạt động đã thực hiện.

- GV đánh giá kết quả dự án và quá trình thực hiện dự án của các nhóm (Sử dụng phiếu đánh giá học theo dự án).

Giai đoạn 3 gồm các bước 7, 8, 9 của tiến trình DHDA sẽ giúp HS hình thành nên một phần của thành tố thứ (2) và các hành vi của thành tố thứ (3) NL QGVĐ. Đó là các hành vi trình bày các kết quả nghiên cứu, các giải pháp cho vấn đề nghiên cứu; Nhìn lại và đánh giá giải pháp đã thực hiện theo kế hoạch, rút ra những kiến thức và các giá trị thu nhận được trong cả quá trình DHDA; Đánh giá hoạt động và vai trò của cá nhân trong hoạt động nhóm, sản phẩm của nhóm.

Kế hoạch bài học chủ đề "Năng lượng chất đốt" đã được thử nghiệm ở lớp 5 của một số trường tiểu học trên 2 đối tượng là lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Ngoài hoạt động đánh giá trong bản thân quá trình DHDA, chúng tôi đã sử dụng 1 bài kiểm tra để đánh giá kiến

thức, NL QGVĐ và các phiếu quan sát để đánh giá NL của HS. Những bài kiểm tra, đánh giá này cũng được sử dụng để đo kết quả của lớp đối chứng.

Các kết quả đánh giá cho thấy, HS thực hiện học theo tiến trình 9 bước của DHDA có kết quả học tập tốt hơn, khả năng vận dụng và đề xuất QGVĐ của thực tiễn phù hợp hơn, có sự chuyển biến tích cực hơn trong việc hình thành và phát triển NL QGVĐ.

**4. Kết luận**

Trên đây chúng tôi chia sẻ những cơ hội hình thành NL QGVĐ khi tiến hành DHDA ở tiểu học. Có thể thấy, khi chúng ta cung cấp cho HS kiến thức, kĩ năng cùng với việc nuôi dưỡng thái độ, động cơ, giá trị...đúng đắn, phù hợp sẽ đào tạo nên một thế hệ HS không chỉ giỏi về kiến thức mà được đánh giá cao ở từng hành vi, thái độ, cư xử trong trong mỗi hoạt động.

Như vậy, DH phát triển NL là giúp HS được bộc lộ, được hành động, từ đó có cơ hội hình thành và phát triển các NL của cá nhân. DHDA là một quá trình dạy học tích cực từ khâu thiết kế dự án, đến thực hiện dự án và đánh giá dự án. Bất cứ giai đoạn nào của quá trình DHDA đều hướng tới mục tiêu phát triển NL người học, đặc biệt NL QGVĐ thể hiện rõ nét hơn cả.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Nguyễn Thị Lan Phương (Chủ biên), (2016), *Chương trình tiếp cận năng lực và đánh giá năng lực người học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Trung tâm Đánh giá giáo dục Đại học Melbourne, Khung đánh giá năng lực người học*, Tài liệu tập huấn tháng 8/2014.

[3]. Nguyễn Văn Cường - Bernd Meier, (2010), *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp ở trường trung học phổ thông*, Dự án Phát triển Giáo dục Trung học phổ thông.

[4]. Buck Institute for Education - BIE, (2014), *PBL in the Elementary Grades*, California, USA.

[5]. Batsford. Katz, L, G, (1993), *Project in primary school*, London.

**ORGANIZING PROJECT-BASED TEACHING AT PRIMARY EDUCATION: AN OPPORTUNITY TO DEVELOP PROBLEM-SOLVING COMPETENCY**

**Phan Thanh Ha**  
*The Vietnam Institute of Educational Sciences*  
**Email: hacunbin@gmail.com**

**Abstract:** *In recent years, issues related to competency such as curriculum, teaching, assessment towards competency development has been much discussed in education forums. Through teaching towards competency development, students expressed and acted, then established and developed personal competency. Project-based teaching is an active teaching process from project design, implementation and evaluation. In this article, the author discusses about project-based teaching as a teaching method and analyzed exploit opportunities in organizing project-based teaching towards learners' competency development, especially problem-solving competency.*

**Keywords:** *Project-based teaching; problem - solving competency; primary education.*